TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Thương;

2/ Ông Lê Hoàng Phúc.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2022/TLST-HN&GĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HN&GĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HN&GĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Số nhà 214, đường số 8, tổ 3, thôn 5, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Số nhà 2, đường số 46, tổ 11, tổ 4, thôn 5, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000, bà N và ông P có quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/KH, quyển số 01/05, ngày đăng ký 05/7/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do ông P lúc đầu theo chị chồng làm ăn xa được khoảng 4 đến 5 năm thì bà N bảo ông P về nhà không làm ăn xa nữa nhưng ông P không nghe; ông P lâu lâu mới về nhà một vài ngày rồi lại đi làm lại; ông P không ổn định

chỗ ở, cứ đi rồi về rồi đi lại nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa. Bà N và ông P đã ly thân từ năm 2007 đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông P.

Về con chung: Bà N và ông P có với nhau 03 con chung tên Ngô Thị Thảo Ng, sinh ngày 11/11/2000, Ngô Nguyễn Quang V, sinh ngày 13/02/2003 và Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 26/01/2007. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N ly hôn ông Ngô Văn P.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu giải quyết tranh chấp về con chung, tài sản và nợ trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị N khởi kiện ly hôn với bị đơn Ngô Văn P; ông P có nơi cư trú tại thôn 5, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt và không đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Theo lời khai và giấy khai sinh của cháu Nguyên, cháu Vũ thì có căn cứ xác định hôn nhân thực tế giữa bà N và ông P phát sinh từ năm 2000. Tuy nhiên, đến năm 2005 mới thực hiện đăng ký kết hôn, theogiấy chứng nhận kết hôn số 39/KH, đăng ký ngày 05/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà N và ông P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì ông bà sống chung với nhau như vợ chồng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà N và ông P là do ông bà không hợp nhau về tính tình, mâu thuẫn về mặt tài chính gia đình; hiện tại bà N và ông P không còn quan hệ như vợ chồng, hai bên đã ly thân, thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn ông P.

Qua nội dung xác minh đối với thôn trưởng thôn 5, xã TT vào ngày 23/6/2022 (Bút lục 28) thì thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông P là có thật và quan hệ hôn nhân thực tế giữa bà N và ông P không còn tồn tại.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông P.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà N và ông P về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N ly hôn ông Ngô Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/KH, đăng ký ngày 05/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh giữa bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn P hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ chung trong vụ án này.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0009466 ngày 31/5/2022. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận